**TOÀ ÁN NHÂN DÂN**
**HUYỆN TỨ KỲ, TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 38/2019/HNGĐ-ST
Ngày 28-8-2019
*"V/v: Ly hôn"*

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TỨ KỲ, TỈNH HẢI DƯƠNG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà*: Ông Nguyễn Văn Quân.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Thanh Hải và bà Phạm Thị Hợi

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Phạm Thị Hiên - Thư ký Toà án nhân dân huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương tham gia phiên toà***: Ông Nguyễn Khắc Đạo - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 154/2019/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 6 năm 2019 về việc ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 39/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 8 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 46/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 23/8/2019 giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn*: **Ông Nguyễn Đình T**, sinh năm 1956.

*2. Bị đơn*: Bà **Nguyễn Thị N**, sinh năm 1961;

Đều ĐKHKTT: thôn A, xã D, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương.

*3. Người làm chứng:*

- Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1985;

Trú tại: thôn A, xã D, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương.

- Ông Nguyễn Xuân H, sinh năm 1956;

Trú tại: Thôn M, xã Q, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương

Ông T có mặt, bà N, chị N, ông H vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**:

*- Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai, biên bản lấy lời khai và các tài liệu khác có tại hồ sơ, nguyên đơn ông Nguyễn Đình T trình bày:*

Ông và bà Nguyễn Thị N kết hôn với nhau trên cơ sở được tự do tìm hiểu, tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã D ngày 30/12/1982. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc, hòa thuận đến năm 2004 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do không hợp nhau trong cách sống, sinh hoạt, vợ chồng bất đồng quan điểm, bà N có những lời nói chì chiết, coi thường, không tôn trọng

ông và thời gian tham gia gia Hội phụ nữ xã D, ông nghe dư luận nói về việc bà N có tình cảm với người đàn ông khác, khi ông và người thân tham gia, bà N nghỉ sinh hoạt và đi làm Công ty, cũng từ đó mà bà N ngày một lạnh nhạt, xa cách. Tuy vẫn sống cùng nhà nhưng công việc của ai người đó làm, ăn riêng, ngủ riêng, tiền của ai người đó tiêu, độc lập về kinh tế, khi có công việc lớn trong gia đình, bà N là người quyết định, không bàn gì với ông, tất cả mọi hành động, cách cư xử bà N đều thiếu tôn trọng ông. Có những lần mâu thuẫn vợ chồng căng thẳng xảy ra, ông đã làm đơn xin ly hôn, bà N đã xé đơn, sau đó bà N tổ chức họp gia đình, có mời họ hàng, bạn bè (đến nay có nhiều người đã chết), trong đó có ông Nguyễn Xuân H là bạn thân của vợ chồng ông đến tham gia hòa giải, động viên nên ông không gửi đơn đến Tòa án nữa, nhưng vợ chồng vẫn sống không có tình nghĩa với nhau, bà N đi về lúc nào, ngủ ở đâu ông không quan tâm và ngược lại ông ăn, ngủ, sinh hoạt, ốm đau như thế nào bà N cũng không cần biết, sự việc trên diễn ra nhiều năm nay khiến cuộc sống rất căng thẳng. Nay ông xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể đoàn tụ được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn bà N để ổn định cuộc sống.

- *Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai và các tài liệu khác có tại hồ sơ, bị đơn bà Nguyễn Thị N trình bày:* Về điều kiện và thời gian kết hôn đúng như ông T đã trình bày. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2004, bà có tham gia công tác Hội phụ nữ xã, ông T ghen tuông, cho rằng bà có quan hệ với người đàn ông khác, ông T đã gọi bạn đồng ngũ đến tham gia động viên, bà đã nghỉ không tham gia công tác nữa. Sau đó bà đi làm Công ty trên TP H và sau đó về gần nhà làm, cuộc sống vợ chồng vẫn diễn ra bình thường, không đánh, cãi nhau gây ầm ĩ. Từ năm 2008 đến nay, về kinh tế gia đình, tiền của ai người đó tiêu, lương của ông T ông ấy tự chi tiêu, tiền bà đi làm cũng không đưa cho ông T vì bà còn phải chi tiêu, mua sắm, tu sửa nhà cửa, đối nội đối ngoại. Chỉ vì ông T bênh con gái, con rể nên ông T mới có thái độ lạnh nhạt, chửi bà là đồ ăn bám và cũng từ đó vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, từ đầu năm 2019 đến nay thì vợ chồng không ăn chung ngủ chung với nhau, không quan tâm đến nhau nhưng vẫn sống cùng nhà chứ không phải sống ly thân. Nay, ông T xin ly hôn, bà mong ông T suy nghĩ lại để vợ chồng đoàn tụ vì tuổi đã cao, đều có con có cháu, vì vậy bà không nhất trí ly hôn.

- Về con chung: Ông T, bà N đều xác định vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Đình Đ, sinh ngày 10/11/1983 và Nguyễn Thị N, sinh ngày 26/10/1985. Hiện các con đều đã trưởng thành, có cuộc sống riêng nên đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Ông T, bà N đều không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Tòa án tiến hành làm việc với lãnh đạo UBND xã D và các đoàn thể địa phương để xác minh tình trạng hôn nhân của ông T, bà N đều được cung cấp: Ông T, bà N kết hôn với nhau năm 1982 và có đăng ký kết theo luật định, thời gian đầu

sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc. Sau khi bà N đi xuất khẩu lao động về, có tham gia sinh hoạt ở Ban chấp hành Hội phụ nữ xã, có tin đồn bà N không chung thủy, có quan hệ với người đàn ông khác, nên ông bà đã xảy ra mâu thuẫn, sau đó bà N nghỉ và đi làm ngoài. Nhiều lần, trưởng thôn được nghe ông T tâm sự mặc dù trong cuộc sống vợ chồng không xảy ra to tiếng, đánh cãi nhau nhưng không hợp nhau về cách sống, sinh hoạt, có nhiều bất đồng quan điểm nên không ai nói với ai, kinh tế độc lập, mọi việc trong gia đình đều do bà N quyết định, cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc, còn thực tế vợ chồng xảy ra mâu thuẫn như thế nào, địa phương và đoàn thể không nắm được vì các bên không báo cáo và nhờ chính quyền, đoàn thể tổ chức hòa giải. Nay, ông T xin ly hôn bà N, đề nghị Tòa án tiến hành hòa giải để ông, bà về đoạn tụ với nhau. Trường hợp ông bà không đoàn tụ được, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Tại biên bản lấy lời khai chị Nguyễn Thị N cung cấp: Chị là con ông Nguyễn Đình T và bà Nguyễn Thị N. Chị được biết quá trình chung sống bố mẹ chị không hợp nhau trong cách sống, sinh hoạt do tính cách hai người bất đồng, trái ngược nhau. Mặc dù bố mẹ chị vẫn ở chung nhà và không đánh nhau gây ầm ĩ nhưng ít khi nói chuyện, không quan tâm tới nhau, tình cảm vợ chồng lạnh nhạt, kinh tế độc lập với nhau, tức là tiền của ai làm ra thì người đó tiêu.

- Tại biên bản lấy lời khai của ông Nguyễn Xuân H cung cấp: Ông là bạn đồng ngũ với ông T và đều là bạn của vợ chồng ông T, bà N. Quá trình chung sống sau khi kết hôn, ông T, bà N sống hạnh phúc với nhau đến năm 2003 thấy ông bà có mâu thuẫn do có tin đồn thời gian bà N tham gia Hội phụ nữ xã có quan hệ với người đàn ông khác. Ông T đã họp bàn gia đình và yêu cầu bà N nghỉ sinh hoạt tại xã, bà N đã nghỉ và ra ngoài làm và cũng từ đó vợ chồng có nhiều khúc mắc, bà N đi làm ăn hai bữa ở Công ty, tối về không ăn cơm cùng ông T, tình cảm vợ chồng lạnh nhạt, xa cách. Về kinh tế gia đình tiền của ai người đó tiêu, mọi công việc lớn trong gia đình đều do bà N quyết định. Ông T cảm thấy bị coi thường, không được quan tâm, tuy nhiên hai ông bà cứ để trong lòng, không bộc bạch, chi sẻ với nhau. Cách đây vài năm, ông T đã làm đơn xin ly hôn với bà N nhưng được mọi người tham gia nên ông T không gửi đơn đến Tòa án. Sự việc ông T, bà N không ăn cơm cùng nhau, việc của ai người đó lo, tiền của ai người đó tiêu, công việc họ nhà ai người đó quan tâm là có thật và đã xảy ra từ lâu. Thời điểm gần đây, ông bà có mâu thuẫn với nhau về việc giữa con trai và con gái, quan điểm không thống nhất với nhau nên đã lời qua tiếng lại, không tôn trọng nhau, ông cũng biết và tham gia hòa giải cho vợ chồng nhưng ông T cương quyết làm đơn xin ly hôn bà N. Đề nghị Tòa án hòa giải cho ông bà đoàn tụ, trường hợp ông T cương quyết ly hôn, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên toà, ông T vẫn giữ nguyên quan điểm như đã trình bày.

Đại diện VKSND huyện Tứ Kỳ tham gia phiên toà phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và

của những người tham gia tố tụng đến trước thời điểm HĐXX nghị án và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình; Điều 147 BLTTDS; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội về ... án phí và lệ phí Toà án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho ông Nguyễn Đình T được ly hôn bà Nguyễn Thị N; Về tài sản chung, vay nợ chung: Ông T, bà N đều không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết. Miễn án phí ly hôn sơ thẩm cho ông Nguyễn Đình T.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn bà Nguyễn Thị N được Toà án triệu tập đến tham gia phiên toà hợp lệ lần thứ 2 nhưng đều vắng mặt không lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Toà án xét xử vắng mặt bà N.

[2] Về hôn nhân: Ông Nguyễn Đình T và bà Nguyễn Thị N kết hôn trên cơ sở được tự do tìm hiểu, tự nguyện, đã đăng ký kết hôn tại UBND xã D vào năm 1982 là hôn nhân hợp pháp.

[3] Mặc dù bà N không đồng ý ly hôn ông T, tuy nhiên chính bà N cũng thừa nhận: Thời điểm bà tham gia công tác hội phụ nữ ở xã D, vợ chồng có mâu thuẫn do ông T ghen tuông, nghi ngờ bà không chung thủy, sau đó bà đã xin nghỉ để ra ngoài làm, về kinh tế tiền của ai kiếm được người đó chi tiêu. Chỉ vì ông T bênh con gái, con rể nên ông T mới có thái độ lạnh nhạt, chửi bà là đồ ăn bám, từ đầu năm 2019 đến nay thì vợ chồng không ăn chung ngủ chung với nhau. Lời khai của bà N phù hợp với lời khai của ông T, chị N (con gái ông bà), phù hợp với lời khai của ông H (bạn của ông T, bà N), phù hợp với biên bản xác minh của Tòa án với chính quyền và các đoàn thể địa phương xã D, Hội đồng xét xử có cơ sở xác định: Quá trình chung sống, ông T, bà N có nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau trong cách sống, sinh hoạt, bất đồng quan điểm, không ăn chung, ngủ chung, kinh tế độc lập, vợ chồng không có sự tin tưởng nhau, không quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, vi phạm nghĩa vụ của vợ chồng. Mặc dù nguyện vọng của bà N mong muốn vợ chồng đoàn tụ là chính đáng và Toà án cũng đã kiên trì hoà giải nhiều lần nhưng ông T vẫn cương quyết ly hôn, thực tế từ khi Toà án thụ lý vụ án cho đến nay, bà N cũng không có giải pháp nào dàn xếp chuyện tình cảm để vợ chồng về đoàn tụ, cuộc sống vợ chồng không có chuyển biến theo chiều hướng tích cực, việc bà N đưa ra lý do không đồng ý ly hôn vì tuổi cao, ảnh hưởng đến con cháu là không thuyết phục. Như vậy, đã có đủ cơ sở kết luận tình trạng hôn nhân giữa ông T, bà N đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, xử cho ông T được ly hôn với bà N là phù hợp với Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình để hai bên sớm ổn định cuộc sống.

[4] Về con chung: Ông T, bà N có 02 con chung đều đã trưởng thành, có gia đình riêng nên Toà án không phải giải quyết.

[5] Về tài sản chung, vay nợ chung: Ông T, bà N đều không yêu cầu nên Toà án không giải quyết.

[6] Về án phí: Do nguyên đơn là người cao tuổi nên được miễn nộp tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 147, Điều 227, Điều 228 BLTTDS. Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**1. Về hôn nhân**: Xử cho ông Nguyễn Đình T được ly hôn bà Nguyễn Thị N.

**2. Về án phí:** Ông Nguyễn Đình T được miễn án phí ly hôn sơ thẩm. Hoàn trả ông Nguyễn Đình T số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Tứ Kỳ theo biên lai số AA/2017/0005145 ngày 10-6-2019.

**3. Về quyền kháng cáo:** Ông T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, bà N có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

***Nơi nhận*:**
- VKSND huyện Tứ Kỳ;
- Chi cục THA dân sự huyện Tứ Kỳ;
- UBND xã D;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VP;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
***(Đã ký)***

**Nguyễn Văn Quân**